TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 523/2025/DS-PT
Ngày: 08-8-2025
"V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và tiền bồi thường đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng;
Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước;
Ông Nguyễn Chí Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Tấn Hào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Trần Thị Điểu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05/8 và ngày 08/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2025/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2025 về "*Tranh chấp về dân sự chia thừa kế quyền sử dụng đất và tiền bồi thường đất*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2025/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố H (Tòa án khu vực 12) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 120/2025/QĐ-PT ngày 14/3/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trương Thị H, sinh năm 1953;

Địa chỉ cư trú: Khóm Sở Thượng, phường An Lạc, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. (Nay là Khóm Sở Thượng, phường An Lạc, tỉnh Đồng Tháp)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Võ Thị Sum, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Khóm 3, phường An Thạnh, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. (Nay là Khóm 3, phường H, tỉnh Đồng Tháp)

- *Bị đơn:*

1. Ông Trịnh Văn D, sinh năm 1964;

2. Ông Trịnh Văn Be, sinh năm 1967;

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm Sở Thượng, phường An Lạc, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. (Nay là Khóm Sở Thượng, phường An Lạc, tỉnh Đồng Tháp)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trịnh Thị Thành, sinh năm 1951;

2. Bà Trịnh Thị Bèo, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm Sở Thượng, phường An Lạc, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. (Nay là Khóm Sở Thượng, phường An Lạc, tỉnh Đồng Tháp)

3. Bà Trịnh Thị Thu Nga, sinh năm 1959;

Địa chỉ cư trú: Ấp Long Hòa, xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. (Nay là ấp Long Hòa, xã Bình Ninh, tỉnh Đồng Tháp)

4. Bà Lư Thị Quýt, sinh năm 1962;

5. Nguyễn Quốc Đạt, sinh ngày 10/02/2016;

6. Bà Trương Thị Não, sinh năm 1968;

7. Chị Trịnh Thị Huỳnh Như, sinh năm 1997;

8. Anh Trịnh Văn Hào, sinh năm 2001;

9. Anh Trần Văn Lâm, sinh năm 1971;

10. Chị Võ Thị Diễm, sinh năm 1972 ;

11. Trần Hoài Phương, sinh năm 1995;

12. Trần Thị Bích Diệu, sinh ngày 08/01/2000;

13. Trần Hoài Ân, sinh năm 2008;

14. Trần Thị Thúy, sinh năm 1974;

15. Trần Thị Tú, sinh năm 1978;

16. Ông Võ Văn Long, sinh năm 1967;

17. Anh Võ Thanh Sang, sinh năm 1994;

18. Chị Võ Mỹ Huyền, sinh năm 2004;

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm Sở Thượng, phường An Lạc, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. (Nay là Khóm Sở Thượng, phường An Lạc, tỉnh Đồng Tháp).

- Người kháng cáo: Bà Trương Thị H là nguyên đơn.
- Viện kiểm sát không kháng nghị.

(Bà H, bà Sum, ông D, bà Thành, bà Quýt, chị Như, anh Hào có mặt tại phiên tòa; Các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trương Thị H do luật sư Nguyễn Duy Thành là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày: Cha bà tên Trịnh Văn Trò (chết năm 2021) và mẹ tên Trương Thị Năm (chết năm 2020). Sau khi cha mẹ qua đời để lại hai thửa đất trồng cây lâu năm; Thửa thứ nhất có diện tích 2.240m^2, đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 45/42, tờ bản đồ số 11, và 01 sổ đỏ ở bờ sông do ông Trịnh Văn Trò đứng tên, đất tọa lạc tại khóm Sở Thượng, phường An Lạc, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, hiện do Trịnh Văn D đang quản lý, sử dụng; thửa thứ hai có diện tích 2.100m^2, tọa lạc tại khóm Sở Thượng, phường An Lạc, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, đất chưa được cấp giấy chứng nhận.

Cha mẹ bà có 06 người con: Trịnh Thị Thành, Trương Thị H, Trịnh Thị Thu Nga, Trịnh Văn D, Trịnh Văn Be và Trịnh Thị Bèo. Khi chết cha mẹ không để lại di chúc.

Nguyên đơn thống nhất theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố H và biên bản thỏa thuận giá ngày 04/9/2024.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất như sau:

Thứ nhất, chia thừa kế tiền bồi thường đất tại các vị trí 1, 2, 3, 4 theo sơ đồ đo đạc thành 06 phần bằng nhau, nguyên đơn được hưởng 01 phần.

Thứ hai, chia thừa kế quyền sử dụng đất tại vị trí số 5 có diện tích 1.767,4m^2, thành 06 phần bằng nhau, nguyên đơn yêu cầu được hưởng 01 phần đất với diện tích làm tròn là 294,5m^2, thuộc một phần các thửa đất số 40, 42, cùng tờ bản đồ số 11 (đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy năm 2023 tương ứng thửa đất số 61, tờ bản đồ số 14).

Thứ ba, chia thừa kế quyền sử dụng đất tại vị trí số 6 có diện tích 164,8m^2, thành 06 phần bằng nhau, nguyên đơn yêu cầu được hưởng 01 phần đất với diện tích làm tròn là 27m^2, thuộc một phần các thửa đất số 40, 42, cùng tờ bản đồ số 11 (đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy năm 2023 tương ứng thửa đất số 58, tờ bản đồ số 14).

Thứ tư, chia thừa kế quyền sử dụng đất tại vị trí số 7 có diện tích 65,7m^2, thành 06 phần bằng nhau, nguyên đơn yêu cầu được hưởng 01 phần đất với diện tích làm tròn là 14m^2, thuộc một phần thửa đất số 33, tờ bản đồ số 11 (đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy năm 2023 tương ứng thửa đất số 50, tờ bản đồ số 14).

Thứ năm, chia thừa kế quyền sử dụng đất tại vị trí số 8 có diện tích 604,4m^2 (đã trừ diện tích khu mộ, không tranh chấp là 84,3m^2), thành 06 phần bằng nhau, nguyên đơn yêu cầu được hưởng 01 phần đất với diện tích làm tròn là 100m^2, thuộc một phần thửa đất số 33, tờ bản đồ số 11 (đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy năm 2023 tương ứng thửa đất số 50, tờ bản đồ số 14).

Thứ sáu, chia thừa kế quyền sử dụng đất tại vị trí số 9 có diện tích 809,9m^2, thành 06 phần bằng nhau, nguyên đơn yêu cầu được hưởng 01 phần đất với diện tích làm tròn là 134m^2, thuộc một phần các thửa đất số 33, 34, cùng tờ bản đồ số 11 (đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy năm 2023 tương ứng thửa đất số 52, tờ bản đồ số 14).

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thống nhất, không ý kiến bổ sung. Tuy nhiên, đối với vị trí 7 thì nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn là ông Trịnh Văn D trình bày: Nguồn gốc đất là năm 1980 của cậu ông tên Trương Văn Me, sinh năm 1925 (đã chết năm 2005) cho ông làm trên phần đất chiều ngang 18m, dài 30m, đất cặp sông Tiền của cậu. Đến năm 1990, cậu cho ông luôn toàn bộ phần đất này (vị trí số 2 theo sơ đồ đo đạc), có con của cậu ký tên đồng ý cho ông được quyền sử dụng vĩnh viễn và không yêu cầu gì cả, ông sử dụng ổn định cho đến nay, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay dự án đo đạc giải tỏa đền bù làm bờ kè thì chị ông tên Trương Thị H đòi chia phần đất này, nhưng đất này là của cậu cho riêng ông, nên ông không đồng ý chia phần đất này cho chị Trương Thị H.

Đối với phần đất ở diện tích 409,7m^2, thửa đất số 45, tờ bản đồ số 11, trong đó đất ở là 300m^2, đất trồng cây lâu năm là 109,7m^2, do cha ông tên Trịnh Văn Trò đứng tên giấy chứng nhận. Đây là phần đất di sản của cha ông tên Trịnh Văn Trò (sinh năm 1926, đã chết) và mẹ tên Trương Thị Năm (sinh năm 1929, đã chết) để lại. Nay ông thống nhất chia phần đất này thành 07 phần, chia đều cho 06 anh chị em mỗi người được hưởng 01

phần, còn 01 phần để thờ cúng. Như vậy, ông yêu cầu được hưởng 02 phần, vì ông là người đang trực tiếp thờ cúng, quản lý, sử dụng và tôn tạo, gìn giữ đất này.

Đối với đất tại vị trí số 1 là phần đất của ông Trịnh Văn Be, đây là phần đất cậu cho vào năm 1990; vị trí số 2 là phần đất của ông, được cậu cho như ông đã nêu ở trên; vị trí số 6, đây là phần đất cha ông cho chị tên Trịnh Thị Thành cất nhà ở đã từ lâu, nên phần đất này là của chị Trịnh Thị Thành; vị trí số 8 và số 9 là phần đất ông mua của bà Trương Thị Kim Mới, và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định. Do đó, đối với các phần đất này, ông không tranh chấp, yêu cầu.

Ông thống nhất theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố H và biên bản thỏa thuận giá ngày 04/9/2024.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trịnh Văn D yêu cầu như sau:

Thứ nhất, công nhận cho ông một phần trong quyền sử dụng đất tại vị trí số 5 theo sơ đồ đo đạc với diện tích 654m^2 thuộc một phần các thửa đất số 40, 42, cùng tờ bản đồ số 11 (đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy năm 2023 tương ứng thửa đất số 61, tờ bản đồ số 14).

Thứ hai, chia thừa kế phần đất còn lại trong quyền sử dụng đất tại vị trí số 5 có diện tích còn lại là 1.113,4m^2, thành 07 phần bằng nhau, ông yêu cầu được hưởng 02 phần với diện tích là 318m^2, thuộc một phần các thửa đất số 40, 42, cùng tờ bản đồ số 11 (đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy năm 2023 tương ứng thửa đất số 61, tờ bản đồ số 14).

Thứ ba, chia thừa kế tiền bồi thường đất tại vị trí số 3, diện tích 43,4m^2, thửa 154, tờ bản đồ số 14 và tiền bồi thường đất tại vị trí số 4, diện tích 409,7m^2, thửa 45, tờ bản đồ số 11 (đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy năm 2023 tương ứng thửa đất số 155, tờ bản đồ số 14) thành 07 phần bằng nhau, ông yêu cầu được hưởng 02 phần, vì ông ở chung nhà nuôi cha mẹ và thờ cúng ông bà, quản lý, sử dụng và có công gìn giữ, tôn tạo phần đất này từ đó cho đến nay.

Bị đơn là ông Trịnh Văn Be trình bày: Cha của ông Trịnh Văn Be tên Trịnh Văn Trò, sinh năm 1926 (chết năm 2021), mẹ tên Trương Thị Năm, sinh năm 1929 (chết năm 2020) và có 06 người con gồm: Trịnh Thị Thành, Trương Thị H, Trịnh Thị Thu Nga, Trịnh Văn D, Trịnh Văn Be và Trịnh Thị Bèo.

Cụ Trịnh Văn Trò và cụ Trương Thị Năm chết, không có để lại di chúc. Tài sản của cha mẹ ông chết để lại gồm: Quyền sử dụng đất tại vị trí số 3, 4, 5 và 6 theo sơ đồ đo đạc, tuy nhiên vị trí 5 có một phần đất của ông Trịnh Văn D nhưng bao nhiêu thì không biết.

Vị trí số 1 là phần đất của cậu cho ông Trịnh Văn Be vào năm 1990; vị trí số 2 là phần đất của ông Trịnh Văn D được cậu cho; vị trí số 6 là phần đất cha ông cho chị Trịnh Thị Thành cất nhà ở đã từ lâu, nên phần đất này là của chị Trịnh Thị Thành; vị trí số 8 và số 9 là phần đất ông Trịnh Văn D mua của bà Trương Thị Kim Mới, và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trịnh Văn D đứng tên. Do đó, đối với các phần đất này, ông không yêu cầu, tranh chấp; thống nhất chia vị trí số 3, số 4 và số 5, thành 06 phần bằng nhau, không thống nhất cho ông Trịnh D được hưởng 02 phần, mà muốn chia đều cho anh em cùng được hưởng bằng nhau.

Ông, bà, chị đều thống nhất theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố H và biên bản thỏa thuận giá ngày 04/9/2024.

Nay, ông Trịnh Văn Be yêu cầu như sau:

Thứ nhất, chia thừa kế quyền sử dụng đất tại vị trí số 5 có diện tích 1.767,4m^2 thành 06 phần bằng nhau, yêu cầu được hưởng 01 phần đất với diện tích là 294,5m^2, thuộc một phần các thửa đất số 40, 42, cùng tờ bản đồ số 11 (đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy năm 2023 tương ứng thửa đất số 61, tờ bản đồ số 14).

Thứ hai, chia thừa kế tiền bồi thường đất tại vị trí số 3, diện tích 43,4m^2, thửa 154, tờ bản đồ số 14 và tiền bồi thường đất tại vị trí số 4, diện tích 409,7m^2, thửa 45, tờ bản đồ số 11 (đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy năm 2023 tương ứng thửa 155, tờ bản đồ số 14) thành 06 phần bằng nhau, yêu cầu được hưởng 01 phần.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm có bà Trương Thị Não, chị Trịnh Thị Huỳnh Như, Trịnh Văn Hào trình bày: Thống nhất theo ý kiến, yêu cầu của ông Trịnh Văn Be. Ngoài ra, không ý kiến yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trịnh Thị Thành: Cha bà tên Trịnh Văn Trò, sinh năm 1926 (chết năm 2021), mẹ tên Trương Thị Năm, sinh năm 1929 (chết năm 2020) và có 06 người con gồm: Trịnh Thị Thành, Trương Thị H, Trịnh Thị Thu Nga, Trịnh Văn D, Trịnh Văn Be và Trịnh Thị Bèo.

Cha, mẹ bà chết không để lại di chúc. Tài sản của cha mẹ bà chết để lại gồm: Quyền sử dụng đất tại vị trí số 3, 4, 5 và 6 theo sơ đồ đo đạc, tuy nhiên vị trí 5 có một phần đất của ông Trịnh Văn D; cha bà và ông Trịnh Văn D mỗi người được hưởng phân nữa phần đất, diện tích bao nhiêu thì bà không biết; vị trí phần đất ông Trịnh Văn D mua của Trương Văn Ngộ có chiều ngang 16,72 mét và chiều dài từ tiền tới hậu, trong đó có căn nhà của bà Trịnh Thị Bèo.

Đối với đất tại vị trí số 1 là phần đất của cậu cho Trịnh Văn Be vào năm 1990; vị trí số 2 là phần đất của ông Trịnh Văn D được cậu cho vào năm 1990; vị trí số 8 và số 9 là phần đất của ông Trịnh Văn D mua của bà Trương Thị Kim Mới, và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trịnh Văn D đứng tên. Do đó, đối với các phần đất này, bà không yêu cầu, tranh chấp.

Bà thống nhất theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố H và biên bản thỏa thuận giá ngày 04/9/2024.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Thành yêu cầu như sau:

Thứ nhất, chia thừa kế tiền bồi thường đất tại vị trí số 3, diện tích 43,4m^2, thửa đất số 154, tờ bản đồ số 14 và tiền bồi thường đất tại vị trí số 4, diện tích 409,7m^2, thửa đất số 45, tờ bản đồ số 11 (đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy năm 2023 tương ứng thửa đất số 155, tờ bản đồ số 14) thành 07 phần bằng nhau, yêu cầu được hưởng 01 phần. 06 phần còn lại, mỗi anh chị em được hưởng 01 phần, riêng ông Trịnh Văn D được hưởng 02 phần, vì ông Trịnh Văn D ở chung nhà nuôi cha mẹ và thờ cúng ông bà từ đó cho đến nay.

Thứ hai, yêu cầu được hưởng toàn bộ quyền sử dụng đất tại vị trí số 6 có diện tích 164,8m^2, thuộc một phần các thửa đất số 40, cùng tờ bản đồ số 11 (đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy năm 2023 tương ứng thửa đất số 58, tờ bản đồ số 14).

Thứ ba, chia thừa kế quyền sử dụng đất tại vị trí số 5 có diện tích 1.767,4m^2 thành 07 phần, yêu cầu được hưởng 01 phần đất với diện tích làm tròn là 252,48m^2, thuộc một phần các thửa đất số 40, 42, cùng tờ bản đồ số 11 (đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy năm 2023 tương ứng thửa đất số 61, tờ bản đồ số 14). 06 phần còn lại, mỗi anh chị em được hưởng 01 phần, riêng Trịnh Văn D được hưởng 02 phần, vì ông Trịnh Văn D ở chung nhà nuôi cha mẹ và thờ cúng ông bà từ đó cho đến nay. Tuy nhiên, bà Trịnh Thị Thành thống nhất nhận và cho lại ông Trịnh Văn D đối với 01 kỷ phần mà bà Trịnh Thị Thành được hưởng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trịnh Thị Bèo trình bày: Cha bà tên Trịnh Văn Trò, sinh năm 1926 (chết năm 2021), mẹ tên Trương Thị Năm, sinh năm 1929 (chết năm 2020) và có 06 người con gồm: Trịnh Thị Thành, Trương Thị H, Trịnh Thị Thu Nga, Trịnh Văn D, Trịnh Văn Be và Trịnh Thị Bèo.

Cha, mẹ bà chết không để lại di chúc. Tài sản của cha mẹ bà chết để lại gồm: Quyền sử dụng đất tại vị trí số 3, 4, 5 và 6 theo sơ đồ đo đạc, tuy nhiên vị trí 5 có một phần đất của ông Trịnh Văn D; cha bà và ông Trịnh Văn D mỗi người được hưởng phân nữa phần đất, diện tích bao nhiêu thì bà không biết; vị trí phần đất ông Trịnh Văn D mua của cụ Trương Văn Ngộ có chiều ngang 16,72 mét và chiều dài từ tiền tới hậu, trong đó có căn nhà của bà.

Đối với đất tại vị trí số 1 là phần đất của cậu cho ông Trịnh Văn Be vào năm 1990; vị trí số 2 là phần đất của ông Trịnh Văn D được cậu cho vào năm 1990; vị trí số 8 và số 9 là phần đất ông Trịnh Văn D mua của bà Trương Thị Kim Mới và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trịnh Văn D đứng tên. Do đó, đối với các phần đất này, không tranh chấp, yêu cầu.

Bà thống nhất theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố H và biên bản thỏa thuận giá ngày 04/9/2024.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Bèo yêu cầu như sau:

Thứ nhất, chia thừa kế tiền bồi thường đất tại vị trí số 3, diện tích 43,4m^2, thửa đất số 154, tờ bản đồ số 14 và tiền bồi thường đất tại vị trí số 4, diện tích 409,7m^2, thửa đất số 45, tờ bản đồ số 11 (đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy năm 2023 tương ứng thửa đất số 155, tờ bản đồ số 14) thành 07 phần bằng nhau, yêu cầu được hưởng 01 phần, 06 phần còn lại, mỗi anh chị em được hưởng 01 phần, riêng ông Trịnh Văn D được hưởng 02 phần, vì ông Trịnh Văn D ở chung nhà nuôi cha mẹ và thờ cúng ông bà từ đó cho đến nay.

Thứ hai, chia thừa kế quyền sử dụng đất tại vị trí số 5 có diện tích 1.767,4m^2 thành 07 phần, yêu cầu được hưởng 01 phần đất với diện tích làm tròn là 252,48m^2, thuộc một phần các thửa đất số 40, 42, cùng tờ bản đồ số 11 (đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy năm 2023 tương ứng thửa đất số 61, tờ bản đồ số 14), 06 phần còn lại, mỗi anh chị em được hưởng 01 phần, riêng ông Trịnh Văn D được hưởng 02 phần, vì ông Trịnh Văn

D ở chung nhà nuôi cha mẹ và thờ cúng ông bà từ đó cho đến nay. Tuy nhiên, bà Trịnh Thị Bèo thống nhất nhận và cho lại ông Trịnh Văn D đối với 01 kỷ phần mà bà Trịnh Thị Bèo được hưởng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trịnh Thị Thu Nga trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của các ông, bà nêu trên; bà Trịnh Thị Thu Nga yêu cầu như sau:

Thứ nhất, chia thừa kế tiền bồi thường đất tại vị trí số 3, diện tích 43,4m^2, thửa đất số 154, tờ bản đồ số 14 và tiền bồi thường đất tại vị trí số 4, diện tích 409,7m^2, thửa đất số 45, tờ bản đồ số 11 (đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy năm 2023 tương ứng thửa đất số 155, tờ bản đồ số 14) thành 07 phần bằng nhau, bà yêu cầu được hưởng 01 phần.

Thứ hai, chia thừa kế quyền sử dụng đất tại vị trí số 5 có diện tích 1.767,4m^2 thành 07 phần, bà yêu cầu được hưởng 01 phần đất với diện tích làm tròn là 252,48m^2, thuộc một phần các thửa đất số 40, 42, cùng tờ bản đồ số 11 (đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy năm 2023 tương ứng thửa đất số 61, tờ bản đồ số 14).

1. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất tại vị trí 7 có diện tích 65,7m^2.

Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của bà Trương Thị H tại các vị trí 1, 2, 8, 9.

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn là bà Trương Thị H.

Bà Trương Thị H được chia thừa kế tiền bồi thường đất 01 kỷ phần tại vị trí 3 và vị trí 4 với tổng số tiền 244.616.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng); được chia thừa kế giá trị quyền sử dụng đất 252,485m^2, thành tiền là 75.745.500 đồng và được chia thừa kế giá trị quyền sử dụng đất diện tích 23,542m^2, thành tiền là 7.062.600 đồng, tổng cộng với số tiền 82.808.100 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn là Trịnh Văn D, Trịnh Văn Be.

Ông Trịnh Văn D được chia thừa kế tiền bồi thường đất 02 kỷ phần tại vị trí 3 và vị trí 4 với tổng số tiền 489.232.000 đồng (Bốn trăm tám mươi chín triệu hai trăm ba mươi hai nghìn đồng); ông Trịnh Văn D được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 1.767,4m^2 (Vị trí 5) từ mốc 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37 và trở về mốc 20, thuộc một phần các thửa đất số 40, 42, cùng tờ bản đồ số 11, (đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy năm 2023 tương ứng thửa 61, tờ bản đồ số 14), do Trịnh Văn Trò đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lại tại khóm Sở Thượng, phường An Lạc, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, và ông Trịnh Văn D phải trả cho mỗi ông, bà: Trương Thị H, Trịnh Thị Thu Nga, Trịnh Văn Be giá trị thừa kế được hưởng quyền sử dụng đất diện tích 252,485m^2, thành tiền là 75.745.500 đồng (Bảy mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Ông Trịnh Văn Be được chia thừa kế tiền bồi thường đất 01 kỷ phần tại vị trí 3 và vị trí 4 với số tiền 244.616.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng) và được chia thừa kế giá trị quyền sử dụng đất 252,485m^2, thành tiền là 75.745.500 đồng (Bảy mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Trịnh Thị Thành, bà Trịnh Thị Thu Nga, bà Trịnh Thị Bèo.

Bà Trịnh Thị Thành được chia thừa kế tiền bồi thường đất 01 kỷ phần tại vị trí 3 và vị trí 4 với số tiền 244.616.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng); bà Trịnh Thị Thành được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 164,8m^2 (Vị trí 6) từ mốc 26, 27, 28, 29, 30, 31 và trở về mốc 26, thuộc một phần các thửa đất số 40, 42, cùng tờ bản đồ số 11 (đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy năm 2023 tương ứng thửa 58, tờ bản đồ số 14), do Trịnh Văn Trò đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lại tại khóm Sở Thượng, phường An Lạc, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, và bà Trịnh Thị Thành phải trả cho bà Trương Thị H giá trị thừa kế được hưởng quyền sử dụng đất diện tích 23,542m^2, thành tiền là 7.062.600 đồng (Bảy triệu không trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm đồng).

Bà Trịnh Thị Thu Nga được chia thừa kế tiền bồi thường đất 01 kỷ phần tại vị trí 3 và vị trí 4 với số tiền 244.616.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng) và được chia thừa kế giá trị quyền sử dụng đất 252,485m^2, thành tiền là 75.745.500 đồng (Bảy mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Bà Trịnh Thị Bèo được chia thừa kế tiền bồi thường đất 01 kỷ phần tại vị trí 3 và vị trí 4 với số tiền 244.616.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các ông, bà: Trương Thị H, Trịnh Văn D, Trịnh Văn Be, Trịnh Thị Thành, Trịnh Thị Thu Nga, Trịnh Thị Bèo được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thành phố H) để làm thủ tục nhận tiền bồi thường nêu trên theo quy định của pháp luật.

Ông Trịnh Văn D, bà Trịnh Thị Thành được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác lập thủ tục đăng ký, kê khai, thừa kế để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Trương Thị H kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm; yêu cầu chia cho bà được hưởng một phần di sản, cụ thể:

- Vị trí 1, bà yêu cầu được nhận số tiền 250.497.527 đồng;

- Vị trí 2, bà yêu cầu được nhận số tiền 386.393.496 đồng;

- Vị trí 5, bà yêu cầu được nhận quyền sử dụng đất có vị trí giáp ranh với đất nhà bà Trịnh Thị Thành, diện tích 240m², thửa 40, 42, tờ bản đồ số 11 (đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy năm 2023 tương ứng thửa 61, tờ bản đồ số 14), đất tiếp giáp đường lộ nhựa Thoại Ngọc Hầu; nếu không tách hộ được thì bà yêu cầu được đứng tên đồng sở hữu.

- Vị trí 8 và 9, bà yêu cầu được nhận quyền sử dụng đất diện tích 190,85m², giáp đường đi vào mộ cha, mẹ.

- Đối với vị trí 3 và 4, bà thống nhất nhận tiền 244.616.000 đồng.

3. Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; không đồng ý với bản án sơ thẩm vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Bị đơn đồng ý với bản án sơ thẩm, không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và trình bày: Đồng ý cho bà Trịnh Thị Thành thêm diện tích 31.1 m^2 để đủ diện tích tách thửa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

+ Về nội dung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông D với bà Thành về việc cho thêm diện tích đất 31.1 m^2 sửa án sơ thẩm đối với phần thừa kế của bà Thành. Đối với kháng cáo của bà Trương Thị H đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận giữ y án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trương Thị H nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "*Tranh chấp về dân sự chia thừa kế quyền sử dụng đất và tiền bồi thường đất*" là phù hợp với quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà H không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên có kháng cáo. Tòa án Tỉnh thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Các bên đương sự đều thống nhất tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 4.593,7m^2 (đã trừ vị trí 7 diện tích 65,7m^2 và khu mộ diện tích 84,3m^2, tổng cộng 150m^2) và tiền bồi thường đất nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 4.593,7m^2 (đã trừ vị trí 7 diện tích 65,7m^2 và khu mộ diện tích 84,3m^2, tổng cộng 150m^2), thuộc các thửa đất số: 33, 40, 42, 45, cùng tờ bản đồ số: 11, và các thửa đất số 57, 60, 154, cùng tờ bản đồ số 14, gồm 09 vị trí và tiền bồi thường. Do đó, cấp sơ thẩm xem xét yêu cầu của các đương sự tại các vị trí và các thửa đất trên là phù hợp.

2.2. Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị H cho thấy:

2.2.1. Đối với phần kháng cáo tại vị trí 1 và vị trí 02 bà H yêu cầu nhận tiền: Vị trí 1, bà yêu cầu được nhận số tiền 250.497.527 đồng; Vị trí 2, bà yêu cầu được nhận số tiền 386.393.496 đồng.

Xét thấy: Vị trí 1 có diện tích 354,2m^2, thửa đất số 57 và vị trí 2 có diện tích 439,9m^2, thửa đất số 60, cùng tờ bản đồ số 14, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Trương Thị H yêu cầu chia thừa kế tiền bồi thường đất tại vị trí 1 và vị trí 2, thành 06 kỷ phần bằng nhau. Ông Trịnh Văn D, ông Trịnh Văn Be khai cậu Trương Văn Me cho các ông canh tác từ năm 1980 và đến

năm 1990, thì cậu Trương Văn Me cho các ông phần đất này luôn, nhưng các ông không cung cấp được giấy tờ tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Tuy nhiên, các ông đã trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất này từ năm 1980 cho đến nay là trên 30 năm; đồng thời các chị em của các ông đều thừa nhận các phần đất tại vị trí 1 và vị trí 2 là do cậu Trương Văn Me đã cho các ông, còn bà Trương Thị H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh đất này là của cụ Trịnh Văn Trò và cụ Trương Thị Năm và ngược lại các đương sự khác không thừa nhận. Như vậy, phần đất này không phải là di sản của cụ Trịnh Văn Trò và cụ Trương Thị Năm chết để lại nên cấp sơ thẩm không chia thừa kế cho bà H là có căn cứ.

2.2.2 Đối với kháng cáo yêu cầu chia đất tại vị trí 5: Bà H yêu cầu được nhận quyền sử dụng đất có vị trí giáp ranh với đất nhà bà Trịnh Thị Thành, diện tích 240m², thửa 40, 42, tờ bản đồ số 11 (đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy năm 2023 tương ứng thửa 61, tờ bản đồ số 14), đất tiếp giáp đường lộ nhựa Thoại Ngọc Hầu; nếu không tách hộ được thì bà yêu cầu được đứng tên đồng sở hữu.

Hội đồng xét xử xét thấy: Vị trí 5 có diện tích 1.767,4m^2, cùng một phần các thửa đất số 40, 42, cùng tờ bản đồ số 11, do cụ Trịnh Văn Trò đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xét thấy bà Trương Thị H yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất là có căn cứ. Tuy nhiên, quyền sử dụng đất diện tích 1.767,4m^2 nếu chia quyền sử dụng đất nêu trên thì không bảo đảm các điều kiện, diện tích, kích thước tách thửa theo quy định tại Điều 220 của Luật đất đai năm 2024 và Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND, đề ngày 29/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng tháp về ban hành quy định điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất và diện tích đất tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp quy định tại Điều 3. Diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất nông nghiệp "*Các thửa đất mới hình thành sau khi tách thửa phải đảm bảo diện tích tối thiểu như sau: 1. Đất nông nghiệp tại đô thị: Diện tích tối thiểu từ 300m^2 trở lên; 2. Đất nông nghiệp tại nông thôn: Diện tích tối thiểu từ 700m^2 trở lên*". Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự không chịu nhận toàn bộ diện tích đất tranh chấp và trả giá trị quyền sử dụng đất được chia thừa kế cho các hàng thừa kế khác, tuy nhiên, phần đất này tại vị trí 5 do ông Trịnh Văn D đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Do đó, cần thiết phải giao cho ông Trịnh Văn D tiếp tục quản lý, sử dụng toàn bộ phần đất tại vị trí 5 và ông Trịnh Văn D phải trả giá trị thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 252,485m^2 x 300.000đồng = 75.745.500 đồng cho mỗi ông, bà: Trương Thị H, Trịnh Thị Thu Nga và Trịnh Văn Be là phù hợp.

2.2.3 Đối với kháng cáo yêu cầu chia thừa kế vị trí 8 và 9: Bà H yêu cầu được nhận quyền sử dụng đất diện tích 190,85m², giáp đường đi vào mộ cha, mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Vị trí 8 có diện tích 604,4m^2 (đã trừ khu mộ với diện tích 84,3m^2) và vị trí 9 có diện tích 809,9m^2, thuộc một phần thửa đất số 33, 34, cùng tờ bản đồ số 11, do ông Trịnh Văn D và bà Lư Thị Quýt đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Trương Thị H yêu cầu chia thừa kế quyền sử

dụng đất thành 06 kỷ phần bằng nhau, xét thấy: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không thừa nhận phần đất này là của cha mẹ chết để lại; đồng thời năm 2011, hộ bà Trương Thị Kim Mới thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Trịnh Văn D và bà Lư Thị Quýt theo đúng quy định của pháp luật. Như vây, phần đất này không phải là di sản của cụ Trịnh Văn Trò và cụ Trương Thị Năm chết để lại nên không có căn cứ xem xét.

2.2.4. Đối với vị trí 3 và 4, bà H thống nhất nhận tiền 244.616.000 đồng nên không xem xét.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị H.

3. Tuy nhiên tại phiên tòa về phần thừa kế của bà Trịnh Thị Thành tại vị trí thứ 6 từ mốc 26, 27, 28, 29, 30, 31 và trở về mốc 26, thuộc một phần các thửa đất số 40, 42, cùng tờ bản đồ số 11 (đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy năm 2023 tương ứng thửa 58, tờ bản đồ số 14) có căn nhà đã cất của bà Thành nên được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 164,8m^2 đồng thời ông D đồng ý cho bà Thành thêm diện tích đất 31.1 m^2 không nhận giá trị để tạo điều kiện cho bà tách thửa nên ghi nhận sự tự nguyện giữa ông Trịnh Văn D và bà Trịnh Thị Thành. Sửa một phần án sơ thẩm đối với phần thừa kế của bà Thành.

Việc sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 76/2025/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố H do phát sinh tình tiết mới tại cấp phúc thẩm.

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ nên chấp nhận một phần.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 38; Điều 148, khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị H.

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 76/2024/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố H (nay là Tòa án khu vực 12);

*** <u>Tuyên xử</u>:**

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất tại vị trí 7 có diện tích 65,7m^2.

Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của bà Trương Thị H tại các vị trí 1, 2, 8, 9.

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn là bà Trương Thị H.

Bà Trương Thị H được chia thừa kế tiền bồi thường đất 01 kỷ phần tại vị trí 3 và vị trí 4 với tổng số tiền 244.616.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu

sáu trăm mười sáu nghìn đồng); được chia thừa kế giá trị quyền sử dụng đất 252,485m^2, thành tiền là 75.745.500 đồng và được chia thừa kế giá trị quyền sử dụng đất diện tích 23,542m^2, thành tiền là 7.062.600 đồng, tổng cộng với số tiền 82.808.100 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn là Trịnh Văn D, Trịnh Văn Be.

Ông Trịnh Văn D được chia thừa kế tiền bồi thường đất 02 kỷ phần tại vị trí 3 và vị trí 4 với tổng số tiền 489.232.000 đồng (Bốn trăm tám mươi chín triệu hai trăm ba mươi hai nghìn đồng); ông Trịnh Văn D được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 1.767,4m^2 (Vị trí 5) từ mốc 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37 và trở về mốc 20, thuộc một phần các thửa đất số 40, 42, cùng tờ bản đồ số 11, (đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy năm 2023 tương ứng thửa 61, tờ bản đồ số 14), do Trịnh Văn Trò đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lại tại khóm Sở Thượng, phường An Lạc, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, và ông Trịnh Văn D phải trả cho mỗi ông, bà: Trương Thị H, Trịnh Thị Thu Nga, Trịnh Văn Be giá trị thừa kế được hưởng quyền sử dụng đất diện tích 252,485m^2, thành tiền là 75.745.500 đồng (Bảy mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Ông Trịnh Văn Be được chia thừa kế tiền bồi thường đất 01 kỷ phần tại vị trí 3 và vị trí 4 với số tiền 244.616.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng) và được chia thừa kế giá trị quyền sử dụng đất 252,485m^2, thành tiền là 75.745.500 đồng (Bảy mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Trịnh Thị Thành, bà Trịnh Thị Thu Nga, bà Trịnh Thị Bèo.

Bà Trịnh Thị Thành được chia thừa kế tiền bồi thường đất 01 kỷ phần tại vị trí 3 và vị trí 4 với số tiền 244.616.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng); bà Trịnh Thị Thành được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 164,8m^2 (Vị trí 6) từ mốc 26, 27, 28, 29, 30, 31 và trở về mốc 26, thuộc một phần các thửa đất số 40, 42, cùng tờ bản đồ số 11 (đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy năm 2023 và 31,1 m^2 (vị trí 5d diện tích 19m^2 theo các mốc 28, 59, 64, 63, 26, 27, 60 về 2 và 5f diện tích 12m^2 theo các mốc 56, 28, 29, 55 về 56) được ông D cho thêm tương ứng thửa 58, tờ bản đồ số 14), do Trịnh Văn Trò đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lại tại khóm Sở Thượng, phường An Lạc, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, và bà Trịnh Thị Thành phải trả cho bà Trương Thị H giá trị thừa kế được hưởng quyền sử dụng đất diện tích 23,542m^2, thành tiền là 7.062.600 đồng (Bảy triệu không trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm đồng).

Bà Trịnh Thị Thu Nga được chia thừa kế tiền bồi thường đất 01 kỷ phần tại vị trí 3 và vị trí 4 với số tiền 244.616.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng) và được chia thừa kế giá trị quyền sử dụng đất 252,485m^2, thành tiền là 75.745.500 đồng (Bảy mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi

lăm nghìn năm trăm đồng).

Bà Trịnh Thị Bèo được chia thừa kế tiền bồi thường đất 01 kỷ phần tại vị trí 3 và vị trí 4 với số tiền 244.616.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các ông, bà: Trương Thị H, Trịnh Văn D, Trịnh Văn Be, Trịnh Thị Thành, Trịnh Thị Thu Nga, Trịnh Thị Bèo được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thành phố H) để làm thủ tục nhận tiền bồi thường nêu trên theo quy định của pháp luật.

Ông Trịnh Văn D, bà Trịnh Thị Thành được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác lập thủ tục đăng ký, kê khai, thừa kế để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(*Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/01/2024 tại phần đất đang tranh chấp thuộc khóm Sở Thượng, phường An Lạc, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp và Sơ đồ đo đạc số 10, ngày 27/5/2024; Biên bản thẩm định ngày 05/5/2025 và sơ đồ đo đạc ngày 05/05/2025 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố H, tỉnh Đồng Tháp đo vẽ*).

4. Án phí:

4.1. Án phí sơ thẩm

Về án phí dân sự sơ thẩm

Các ông, bà: Trương Thị H, Trịnh Văn D, Trịnh Văn Be, Trịnh Thị Thành, Trịnh Thị Thu Nga đều được miễn nộp tiền án phí.

Bà Trịnh Thị Bèo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 12.231.000đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng phí đã nộp 6.209.000đồng theo biên lai thu số 0011886 ngày 02/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H; bà Trịnh Thị Bèo còn phải nộp thêm số tiền 6.022.000đồng (Sáu triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các ông, bà, anh, chị: Lư Thị Quýt, Nguyễn Quốc Đạt, Trương Thị Não, Trịnh Thị Huỳnh Như, Trịnh Văn Hào, Trần Văn Lâm, Võ Thị Diễm, Trần Hoài Phương, Trần Thị Bích Diệu, Trần Hoài Ân, Trần Thị Thúy, Trần Thị Tú, Võ Văn Long, Võ Thanh Sang, Võ Mỹ Huyền đều không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Án phí phúc thẩm: Bà Trương Thị H được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

5. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ sơ thẩm: Bà Trương Thị H phải chịu chi phí là 5.650.500 đồng đã nộp và chi xong; Ông Trịnh Văn D phải hoàn trả lại cho bà Trương Thị H số tiền là 1.010.000 đồng (Một triệu không trăm mười nghìn đồng); Mỗi ông, bà: Trịnh Văn Be, Trịnh Thị Thành, Trịnh Thị Thu Nga, Trịnh Thị Bèo đều phải hoàn trả lại cho bà Trương Thị H số tiền là 505.000 đồng (Năm trăm lẻ năm nghìn đồng).

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ phúc thẩm là 2.700.000 đồng bà Trịnh Thị Thành phải chịu, Trương Thị H đã nộp và chi xong nên bà Thành phải nộp trả lại cho bà H.

6. Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND Khu vực 12;
- Phòng THADS khu vực 12;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Tùng

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ sơ thẩm: Bà Trương Thị H phải chịu chi phí là 5.650.500 đồng đã nộp và chi xong; Ông Trịnh Văn D phải hoàn trả lại cho bà Trương Thị H số tiền là 1.010.000 đồng (Một triệu không trăm mười nghìn đồng); Mỗi ông, bà: Trịnh Văn Be, Trịnh Thị Thành, Trịnh Thị Thu Nga, Trịnh Thị Bèo đều phải hoàn trả lại cho bà Trương Thị H số tiền là 505.000 đồng (Năm trăm lẻ năm nghìn đồng).

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ phúc thẩm là 2.700.000 đồng bà Trịnh Thị Thành phải chịu, Trương Thị H đã nộp và chi xong nên bà Thành phải nộp trả lại cho bà H.

6. Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Dũng **Lê Hồng Nước** **Phạm Minh Tùng**